

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2019/HS-ST
Ngày 05-11-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Kha;

Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Phi Cát - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 213/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 834/2019/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tăng Chí N, sinh ngày 27/3/1995; tại Cà Mau; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Đ, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; con ông: Tăng Minh C (còn sống), và bà Lê Kim L, (còn sống); anh chị em ruột: không; vợ: Lê Thị Huỳnh H; con: 01 người, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa có án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/7/2019 đến nay tại xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau. (bị cáo có mặt).

- Bị hại: Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên H.

Địa chỉ: Tầng G, 8, 10 Tòa nhà N, số 20, đường G, phường Đ, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

Do anh Lê Phước T – Chuyên viên an ninh Công ty là đại diện theo ủy quyền số 561/2018/GUQ-SE ngày 30/8/2018. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2014, Tăng Chí N đi ngang qua khu vực phường 5, thành phố M, thì phát hiện có treo quảng cáo bán điện thoại trả góp chỉ cần có giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình. Lúc này, N nảy sinh ý định sẽ về lên lấy sổ hộ khẩu gia đình và giấy chứng minh nhân dân của cha ruột là ông Tăng

Minh C, sinh năm 1968 trú ấp Đ, xã T, thành phố M để nhờ người khác giả tên ông C để ký hợp đồng vay T mua điện thoại nhằm chiếm đoạt.

Thực hiện ý định đó vào ngày 21/9/2014 N lén lấy sổ hộ khẩu của gia đình và giấy chứng minh nhân dân của ông Tăng Minh C rồi đi đến khu vực ấp T, xã Đ, thành phố M để nhờ người bạn giả tên ông C để vay T mua điện thoại. Tại đây N đã gặp anh Đỗ Thành T, sinh năm 1974, trú ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Bạc Liêu để N nhờ T giả làm cha của N để ký hợp đồng vay tiền mua điện thoại di động dưới hình thức trả góp dùm N. Vì chỗ quen biết, thấy N không có điện thoại sử dụng, và tin tưởng nghĩ N sẽ đứng ra trả góp nên T đồng ý. Sau đó N lấy ảnh của T dán vào giấy chứng minh nhân dân của ông C rồi chở T đi đến Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT chi nhánh M, địa chỉ số 4A, đường Đ, phường 5, thành phố M để làm hợp đồng vay T mua điện thoại trả góp. Tại đây N nói dối T là cha ruột của N tên Tăng Minh C rồi cung cấp thông tin cho nhân viên Công ty Tài chính TNHH Một Thành Viên H để làm hồ sơ vay T. Sau khi được Công ty H chấp thuận, nhân viên Công ty đã in hợp đồng và đưa cho anh T ký và ghi họ tên là Tăng Minh C với nội dung khách hàng mang tên Tăng Minh C vay số T 5.089.000 đồng thời hạn 12 tháng, lãi suất 7,1%/tháng, số T trả góp hàng tháng là 657.000 đồng, mục đích vay là mua điện thoại di động hiệu Sony M2, giá trị là 5.990.000 đồng, trả trước 1.200.000 đồng. N đã trả trước 1.200.000 đồng và nhận điện thoại.

Sau khi nhận được điện thoại, N sử dụng gần khoảng 01 năm thì bị hư hỏng. Trong suốt thời gian này, N không thực hiện việc đóng T trả góp cho Công ty H cho đến khi bị phát hiện. Thời gian sau đó, N cũng làm mất giấy chứng minh nhân dân tên ông C và Sổ hộ khẩu gia đình.

Theo kết luận giám định số 67/GĐ- 2019 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Cà Mau xác định:

Chữ ký dạng chữ viết đọc được “ C” và chữ viết họ tên “ Tăng Minh C” trên các tài liệu:

“PHẦN II: CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN GẮN LIỀN VỚI HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TRẢ GÓP”

“HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG TRẢ GÓP” tháng 9/2014;

“PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG” ngày 21/9/2014;

“HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM” ngày 21/9/2014;

“GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN KIÊM PHƯƠNG ÁN TRẢ NỢ” ngày 21/9/2014

“ CÁC ĐIỀU KHOẢN CƠ BẢN CỦA HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG”

(ký hiệu từ A1 đến A6) so với chữ ký dạng chữ viết đọc được “C” và chữ viết trên “Tờ tường thuật” ngày 04/4/2019, ghi họ tên Đỗ Thành T (ký hiệu M) là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra N thành khẩn khai báo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và Tăng Chí N đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra số T 5.089.000 đồng để bồi thường, khắc phục hậu quả cho Công ty tài chính Home Credit Việt Nam . Ngày 24/4/2019 cơ quan điều tra đã trao trả toàn bộ số T trên cho đại diện Công ty. Hiện đại diện Công ty không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với Tăng Chí N.

Tại Cáo trạng số 213/CT-VKS ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau truy tố bị cáo Tăng Chí N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên giữ N Cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Tăng Chí N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị xử phạt bị cáo Tăng Chí N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

Về trách nhiệm dân sự không xem xét.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cà Mau, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Tăng Chí N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của ông Đỗ Thành T, phù hợp với kết luận giám định, và nhiều tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án từ đó đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 21/9/2014 Tăng Chí N đã có hành vi gian dối sử dụng sổ hộ khẩu gia đình và dùng giấy chứng minh nhân dân của cha ruột tên Tăng Minh C rồi nhờ Đỗ Thành T mạo nhận cha ruột tên Tăng Minh C ký hợp đồng vay T của Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên H để mua điện thoại di động trả góp tại Công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT chi nhánh M nhằm mục đích là lừa dối Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên H để chiếm đoạt số tiền 5.089.000đ mục đích sử dụng cá nhân.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người đã trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác, là vi phạm pháp luật. Thế nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân, để có điện thoại di động sử dụng, mà bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, đúng như Viện kiểm sát đã truy tố.

Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội đã xâm hại đến tài sản của Công Ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên H một cách bất hợp pháp, gây mất an ninh trật tự trên địa bàn thành phố Cà Mau, nên cần có hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt Hội đồng xét xử cũng xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, và đã bồi thường toàn bộ

thiệt hại xảy ra, phía đại diện bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên cần áp dụng các tình tiết trên là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo là phù hợp.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá nêu trên và đối C với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có địa chỉ thường trú rõ ràng, bị cáo đang là lao động chính trong gia đình, nếu không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà cho bị cáo hưởng án treo tạo điều kiện cho bị cáo về địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội. Đồng thời, thể hiện được chính sách nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải như bị cáo. Do đó mức hình phạt của bị cáo theo đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát là từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng là phù hợp và có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho Công ty Tài Chính TNHH Một Thành Viên H số tiền 5.089.000đ, nay Công Ty không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với anh Đỗ Thành T quá trình điều tra xác định do mối quan hệ quan biết với N nên thấy N không có điện thoại sử dụng, và chưa đủ tuổi để ký hợp đồng vay T và nghĩ N sẽ thanh toán T cho Công ty nên nhận lời giả làm cha N để ký hợp đồng vay T mua điện thoại trả góp theo đề nghị của N. T không có hưởng lợi gì về việc giúp N làm hợp đồng vay T. Việc N không thực hiện trả góp hàng tháng mà chiếm đoạt T của Công ty thì T không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với ông Tăng Minh C, việc bị cáo lấy giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình để đi vay tiền nhằm chiếm đoạt thì ông C không hay biết. Ông C cho rằng bị mất giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu vào năm 2014 nên trình báo và đã được cấp lại. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý đối với ông C là phù hợp.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo qui định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b,i,s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Tăng Chí N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Tăng Chí N 09 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, thời hạn được tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Tăng chí N cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo

dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Tăng Chí N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau (chưa nộp).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- CAND Tp.Cà Mau;
- TAND tỉnh.Cà Mau;
- Lưu VT- hồ sơ vụ án.

Phạm Kim Cương